

- GV nhận xét, chữa bài và kết luận đáp án đúng.

- **Củng cố HS M1+M1 về cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính**

+ Tìm thừa số chưa biết ?

+ Tìm số chia ?

+ T số bị chia?

Bài 4: a,b. HSNK có thể làm cả bài

- Yêu cầu hs quan sát biểu đồ và làm nhóm 2

- GV nhận xét kết luận đáp án đúng.

* GV trợ giúp HS M1+M2 đọc biểu đồ rồi trả lời các câu hỏi như SGK.

Bài 2 + Bài 3 (Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)

- Củng cố cách đặt tính và tính, cách ước lượng thương, phép chia mà thương có chữ số 0

- HS thực hiện cá nhân - Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp.

Đáp án:

Thừa số	27	23	23
Thừa số	23	27	27
Tích	621	621	621

Số bị chia	66178	66178	66178
Số chia	203	203	326
Thương	326	326	203

- HS làm N2 – Chia sẻ lớp

Bài giải

a) Số cuốn sách T1 bán ít hơn T4 là
 $5500 - 4500 = 1000$ (cuốn)

b) Số cuốn sách T2 bán nhiều hơn T3 là

$$6250 - 5750 = 500 \text{ (cuốn)}$$

c) TB mỗi tuần bán số cuốn sách là:
 $(4500 + 6250 + 5750 + 5500) : 4 = 5500$ (cuốn)

Đ/S: a) 1000 cuốn sách

b) 500 cuốn sách

c) 5500 cuốn

- HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp

Bài 2: Đáp án

$$\begin{array}{r|l} 39870 & 123 \\ 297 & \underline{324} \\ 510 & \\ 18 & \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 25863 & 251 \\ 763 & \underline{103} \\ 10 & \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 30395 & 217 \\ 869 & \underline{140} \\ 015 & \end{array}$$

Bài 3

Bài giải

Số bộ ĐDDH- Sở GD nhận về là:

$$40 \times 468 = 18720 \text{ (bộ)}$$

Số bộ ĐDDH mỗi trường nhận về là:

$$18720 : 156 = 120 \text{ (bộ)}$$

Đáp số: 120 bộ đồ dùng học Toán

- 4. Hoạt động ứng dụng (1p)
- 5. Hoạt động sáng tạo (1p)

- Ghi nhớ KT đã ôn tập
- Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải.

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....
.....
.....
.....

LỊCH SỬ (VNEN)
NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN (T3)

.....
.....
.....
.....

LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)
ÔN TẬP CUỐI KÌ I

1. Kiến thức

- Hệ thống lại những sự kiện tiêu biểu về các giai đoạn lịch sử từ buổi đầu dựng nước đến cuối thế kỉ XIII: Nước Văn Lang, Âu Lạc: hơn một nghìn năm đấu tranh giành độc lập: bồi đầu độc lập: nước Đại Việt thời Lý: nước Đại Việt thời Trần.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng sử dụng lược đồ, thuyết trình, kể chuyện.

3. Thái độ

- Tự hào về truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: + Phiếu học tập cho từng HS.

PHIẾU HỌC TẬP

Họ và tên :

.....

1. Em hãy ghi tên các giai đoạn lịch sử đã được học từ bài 7 đến bài 19 vào bảng thời gian dưới đây:

Năm 938 1009 1226 TK XIV

.....

Các giai đoạn lịch sử				
-----------------------	--	--	--	--

2. Hoàn thành bảng thống kê sau:

a. Các triều đại Việt Nam từ năm 938 đến cuối thế kỉ thứ XIV

Thời gian	Triều đại	Tên nước	Kinh đô
938 - 968	Nhà Ngô		
	Nhà Đinh		
	Nhà Tiền Lê		
	Nhà Lý		
	Nhà Trần		

b. Các sự kiện lịch sử từ buổi đầu dựng nước đến cuối thời Trần

Thời gian	Tên sự kiện
Khoảng 700 năm TCN	Nước Văn Lang ra đời
	Nước Âu Lạc rơi vào tay Triệu Đà
	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng
	Chiến thắng Bạch Đằng
	Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân
	Kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất
	Nhà Lý rời đô ra Thăng Long
	Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ hai
	Nhà Trần thành lập
	Kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên

+ Các tranh ảnh từ bài 1 đến bài 14.

- HS: SGK, bút

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động: (4p) Trò chơi: Chiếc hộp bí mật - Trả lời câu hỏi sau: + <i>Nêu kết quả của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên?</i> - GV nhận xét, khen/ động viên, chốt KT bài cũ và dẫn vào bài mới</p>	<p>- Cả lớp hát kết hợp với chuyển tay nhau chiếc hộp bí mật có câu hỏi. + <i>Cả 3 lần quân Mông- Nguyên sang xâm lược nước ta đều đại bại vì vua tôi nhà Trần đoàn kết và có tướng chỉ huy giỏi</i></p>
<p>2. Bài mới: (30p) * Mục tiêu: - HS ôn và hiểu được các giai đoạn lịch sử và sự kiện lịch sử tiêu biểu từ buổi đầu dựng nước đến cuối thế kỉ X IV. - HS kể được các sự kiện, nhân vật lịch sử đã học</p>	

*** Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm - Lớp**

***Việc 1: Các giai đoạn lịch sử và sự kiện lịch sử tiêu biểu từ buổi đầu dựng nước đến cuối thế kỉ XIV.**

- GV phát phiếu học tập cho từng HS và yêu cầu các em hoàn thành nội dung của phiếu .

- GV gọi HS báo cáo kết quả làm việc với phiếu .

- GV đánh giá, chốt KT:

***Việc 2: Thi kể về các sự kiện, nhân vật lịch sử đã học**

- GV giới thiệu chủ đề cuộc thi.

- Gọi HS xung phong thi kể về các sự kiện lịch sử, các nhân vật lịch sử mà mình chọn.

- GV tổng kết cuộc thi, tuyên dương những HS kể tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng, em nào chưa được kể trên lớp thì về nhà kể cho người thân nghe.

***Lưu ý đối tượng HS M1 +M2 về các sự kiện lịch sử, các nhân vật lịch sử...**

3. Hoạt động ứng dụng (1p).

- Liên hệ giáo dục lòng tự hào đất nước, tự hào truyền thống đánh giặc của cha ông.

4. Hoạt động sáng tạo (1p)

Nhóm 4 – Lớp

- Nhận phiếu, thực hiện cá nhân, trao đổi nhóm 2 – Chia sẻ trước lớp

- HS cả lớp theo dõi và bổ sung ý kiến.

-Thống nhất kết quả

- HS kể cá nhân

- HS kể trước lớp theo tinh thần xung phong .

Định hướng kể:

+ **Kể về sự kiện lịch sử:** Sự kiện đó là sự kiện gì? Xảy ra lúc nào? Xảy ra ở đâu ? Diễn biến chính của sự kiện? Ý nghĩa của sự kiện đó đối với lịch sử dân tộc ta?

VD: Em xin kể về Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 do Ngô Quyền lãnh đạo đánh quân Nam Hán. Ngô Quyền đã tận dụng thủy triều lên xuống để cho cắm cọc nhọn trên sông Bạch Đằng,....

+ **Kể về nhân vật lịch sử:** Tên nhân vật đó là gì? Nhân vật đó sống ở thời kì nào? Nhân vật đó có đóng góp gì cho lịch sử dân tộc ta?

VD: Em xin kể về Trần Hưng Đạo – vị tướng tài ba giúp nhà Trần 3 lần đánh thắng quân Mông- Nguyên,.....

-

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

Thứ tư ngày 26 tháng 12 năm 2018

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
CÂU KỂ AI LÀM GÌ ?

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nắm được cấu tạo cơ bản của câu kể Ai làm gì ?(ND ghi nhớ)

2. Kỹ năng

- Nhận biết được câu kể Ai làm gì? trong đoạn văn và xác định được chủ ngữ và vị ngữ trong mỗi câu (BT1, BT2, mục III); viết được đoạn văn kể việc đã làm trong đó có dùng câu kể Ai làm gì ? (BT3, mục III)

3. Thái độ

- HS có thái độ học tập tích cực

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ kẻ sẵn

Câu	Từ ngữ chỉ HD/ Đặt câu hỏi	Từ ngữ chỉ người HD/Đặt câu hỏi

- HS: VBT, bút

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5p) + <i>Thế nào là câu kể?</i> + <i>Lấy VD về câu kể.</i> - GV nhận xét, đánh giá chung, giới thiệu và dẫn vào bài mới	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét + <i>Câu kể là câu dùng để kể, miêu tả sự vật hay đưa ra nhận định. Cuối câu kể thường có dấu chấm.</i> - HS nối tiếp lấy VD về câu kể.
2. Hình thành KT : (30p) * Mục tiêu: Nắm được cấu tạo cơ bản của câu kể Ai làm gì ?(ND ghi nhớ) * Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp	
a. Nhận xét Bài 1, 2: - Gọi HS đọc yêu cầu, nội dung của bài - Yêu cầu HS tự làm, trao đổi N2	Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp <i>Bài 1, 2 : (Dự kiến KQ)</i> Câu 2:

- TBHT điều hành lớp chia sẻ
 - GV nhận xét bổ sung thêm
Lưu ý: GV trợ giúp cho HS M1+ M2
 Nắm được cấu tạo cơ bản của câu kể
 Ai làm gì ? để hoàn thành ND bài học

+ Từ ngữ chỉ HĐ: đánh trâu ra cày
 + Từ ngữ chỉ người HĐ: Người lớn
Câu 3:
 + Từ ngữ chỉ HĐ: nhặt cỏ, đốt lá
 + Từ ngữ chỉ người HĐ: Các cụ già
Câu 4:
 + Từ ngữ chỉ HĐ: bắc bếp thổi cơm
 + Từ ngữ chỉ người HĐ: Mấy chú bé
Câu 5:
 + Từ ngữ chỉ HĐ: lom khom tra ngô
 + Từ ngữ chỉ người HĐ: Các bà mẹ.
Câu 6 :
 + Từ ngữ chỉ HĐ: ngủ khi trên lưng mẹ
 + Từ ngữ chỉ người HĐ : Các em bé.
Câu 7 :
 + Từ ngữ chỉ hoạt động : sữa om cả rừng
 + Từ ngữ chỉ đối tượng hoạt động : Lũ chó
 + làm gì?
 + Ai/ Con gì?
 - HS làm việc nhóm 4, hoàn thành vào bảng và chia sẻ trước lớp

Bài 3 :

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi (Gợi ý).
 + Câu hỏi cho từ ngữ chỉ hoạt động là gì?
 + Muốn hỏi cho từ ngữ chỉ người hoạt động ta hỏi thế nào?

Câu	Từ ngữ chỉ người HĐ/ Đặt câu hỏi	Từ ngữ chỉ HĐ/ Đặt câu hỏi
2	Người lớn Ai đánh trâu ra cày?	đánh trâu ra cày Người lớn làm gì?
3	Các cụ già Ai nhặt cỏ, đốt lá?	nhặt cỏ, đốt lá Các cụ già làm gì?
4	Mấy chú bé Ai bắc bếp thổi cơm?	bắc bếp thổi cơm Mấy chú bé làm gì?
5	Các bà mẹ Ai lom khom tra ngô?	lom khom tra ngô Các bà mẹ làm gì?
6	Các em bé Ai ngủ khi trên lưng mẹ?	ngủ khi trên lưng mẹ Các em bé làm gì?
7	Lũ chó Con gì sữa om cả rừng?	sữa om cả rừng Lũ chó làm gì?
- GV nhấn mạnh: Bộ phận trả lời cho câu hỏi Ai/ Cái gì/Con gì? là Chủ ngữ		- HS nhắc lại

<p>Bộ phận trả lời cho câu hỏi: làm gì? là Vị ngữ</p> <p>b. Ghi nhớ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc ghi nhớ - HS lấy VD về câu kể Ai làm gì? Xác định CN và VN của câu kể đó.
<p>3. HĐ thực hành (18p)</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được câu kể Ai làm gì? trong đoạn văn và xác định được chủ ngữ và vị ngữ trong mỗi câu (BT1, BT2, mục III); viết được đoạn văn kể việc đã làm trong đó có dùng câu kể Ai làm gì ? (BT3, mục III) <p>* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp</p>	
<p>Bài tập 1 + 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét kết luận đáp án đúng. - Yêu cầu đặt câu hỏi cho CN và VN của các câu vừa tìm ở BT 1 + CN trả lời cho câu hỏi gì? Vị ngữ trả lời cho câu hỏi gì? <p>*Bài tập 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS viết đoạn văn và xác định kiểu câu kể Ai – làm gì? . - GV nhắc HS sau khi viết xong đoạn văn hãy gạch dưới những câu trong đoạn là câu kể Ai làm gì? - Gọi hs trình bày - GV nhận xét chữa bài, chốt KT bài học. <p>4. HĐ ứng dụng (1p)</p> <p>5. HĐ sáng tạo (1p)</p>	<p style="text-align: center;">Cá nhân – Nhóm 2 - Lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo yêu cầu - chia sẻ KQ : <p>Câu 1 : Cha / làm cho tôi chiếc chổi cọ để quét nhà, quét sân.</p> <p>Câu 2 : Mẹ /đựng hạt giống đầy móm lá cọ để gieo cấy mùa sau.</p> <p>Câu 3 : Chị tôi /đan nón lá cọ, lại biết đan cả mảnh cọ và làn cọ xuất khẩu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nối tiếp đặt câu + CN: Ai/ Cái gì/Con gì? VN: làm gì? <p style="text-align: center;">Cá nhân - Cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài. + Cả lớp đọc thầm + Viết bài cá nhân - gạch dưới bằng bút chì những câu trong đoạn là câu kể Ai làm gì?. - Chia sẻ, trao đổi KQ học tập trước lớp <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhớ cấu tạo của câu kể Ai làm gì? - Tìm 1 đoạn văn trong chương trình SGK có câu kể Ai làm gì?

TOÁN

Tiết 83: DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết dấu hiệu chia hết cho 2, số chẵn, số lẻ

2. Kỹ năng

- Rèn học sinh kỹ năng nhận biết dấu hiệu chia hết cho 2, nhận biết số chẵn, số lẻ

- Vận dụng giải bài toán có lời văn.

3. Thái độ

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

4. Góp phần phát triển các kỹ năng

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

* BT cần làm: Bài 1, bài 2

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Phiếu nhóm

- HS: SGK, bút

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. HĐ khởi động (3p) - GV giới thiệu bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
2. Hình thành kiến thức (15p) * Mục tiêu: Nắm được dấu hiệu chia hết cho 2 * Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp * Việc 1: Hướng dẫn HS tự tìm ra dấu hiệu chia hết cho 2. - Yêu cầu HS tìm vài số chia hết cho 2	- Các số chia hết cho 2 là: $10 : 2 = 5$ $36 : 2 = 18$ $32 : 2 = 16$ $40 : 2 = 20$ $14 : 2 = 7$ $100 : 2 = 50$
-Yêu cầu HS tìm vài số không chia hết cho 2.	- Các số không chia hết cho 2 là: $11 : 2 = 5$ dư 1 $37 : 2 = 18$ dư 1

<p>- GV cho HS quan sát, so sánh, đối chiếu và rút ra kết luận dấu hiệu chia hết cho 2.</p> <p>+ Các số có số tận cùng thế nào thì chia hết cho 2 ?</p> <p>+ Các số có số tận cùng thế nào thì không chia hết cho 2 ?</p> <p>- Yêu cầu HS nêu kết luận sgk</p> <p>*Việc 2: Giới thiệu cho hs số chẵn số lẻ</p> <p>+ Các số chia hết cho 2 là các số có chữ số cuối cùng (hàng đơn vị) là số chẵn hay lẻ?</p> <p>*GV chốt: Các số chia hết cho 2 là các số chẵn (vì các chữ số hàng đơn vị đều là các số chẵn).</p> <p>- GV yêu cầu HS tự tìm ví dụ về số chẵn (số có thể gồm nhiều chữ số)</p> <p>+ Các số không chia hết cho 2 là các số có chữ số cuối cùng (hàng đơn vị) là số chẵn hay lẻ?</p> <p>*GV chốt lại: Muốn biết một số có chia hết cho 2 hay không chỉ cần xét chữ số tận cùng của số đó.</p> <p>- GV cần giúp HS M1 +M2 nhận biết đúng được dấu hiệu chia hết cho 2 và không chia hết cho 2.</p>	<p>$3 : 2 = 1 \text{ dư } 1$ $41 : 2 = 20 \text{ dư } 1$ $15 : 2 = 7 \text{ dư } 1$ $101 : 2 = 50 \text{ dư } 1$</p> <p>+ Các số tận cùng là 0,2,4,6,8 thì chia hết cho 2.</p> <p>+ Các số tận cùng 1,3,5,7,9 thì không chia hết cho 2.</p> <p>- 3, 5 HS nêu kết luận</p> <p>+ Các số chia hết cho 2 là các số có chữ số cuối cùng (hàng đơn vị) là số chẵn</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>-VD: 10;16;124;166;178;1250,...</p> <p>+ Các số không chia hết cho 2 là các số có chữ số cuối cùng (hàng đơn vị) là số lẻ.</p> <p>- VD: 13;121;135;547;767,...</p>
<p>3. HĐ thực hành (18p)</p> <p>* Mục tiêu: Nhận biết được các số chia hết cho 2 và các số không chia hết cho 2. Lấy được VD số chia hết cho 2 và không chia hết cho 2</p> <p>* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp</p>	
<p>Bài tập 1:</p> <p>- HS nêu yêu cầu</p> <p>- HS làm bài vào nháp</p> <p>- HS chọn ra các số chia hết cho 2 và không chia hết cho 2</p> <p>- HS chia sẻ trước lớp</p> <p>- GV nhận xét chữa bài và kết luận đáp án đúng.</p>	<p>- Làm cá nhân - Chia sẻ lớp</p> <p>Đáp án:</p> <p>a. Các số chia hết cho 2 là: 98; 1000; 744; 7536; 5782</p> <p>b. Các số không chia hết cho 2 là: 35; 89; 867; 84683; 8401.</p>

<p>+ Các số chia hết cho 2 có đặc điểm gì? Các số không chia hết cho 2 có đặc điểm gì?</p> <p>Bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu - HS làm bài vào vở a) HS viết bốn số có hai chữ số, mỗi số đều chia hết cho 2 b) HS viết bốn số có hai chữ số, mỗi số đều không chia hết cho 2 - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS *GV trợ giúp HS M1 +M2 hoàn thiện nội dung bài <p>Bài 3 + Bài 4 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chốt cách lập số, thế nào là số chẵn, số lẻ - Chốt quy luật của dãy số <p>4. Hoạt động ứng dụng (1p)</p> <p>5. Hoạt động sáng tạo (1p)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài cá nhân → chia sẻ trước lớp a) Ví dụ: 14; 16; 44; 98;... b) Ví dụ: 153; 241; 379;... - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ trước lớp Bài 3: a. 346; 364; 436; 634 b. 365; 563; 653; 635 Bài 4: a. Số thích hợp là: 346; 348 b. Số thích hợp là: 8353; 8355 - Ghi nhớ dấu hiệu chia hết cho 2 - Tìm và giải các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2.
---	---

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

ĐẠO ĐỨC YÊU LAO ĐỘNG (TIẾT 2)

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nêu được lợi ích của lao động .

2. Kỹ năng

- Tích cực tham gia các hoạt động lao động ở lớp, ở trường, ở nhà phù hợp với khả năng của bản thân .

- Không đồng tình với những biểu hiện lười lao động